TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-PT
Ngày 27-10-2021
V/v "tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và bà Phạm Thị Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: 560 Lê Duẩn, tổ 01, khối 09, phường E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk – *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Điểu N; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Điểu Nguyên: Ông Y Lam và ông Phạm Quang Long – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đăk Nông - *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Thị N; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thị N: Anh Điểu N; địa chỉ: B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Văn bản uỷ quyền ngày 03-01-2019 – *Có mặt*

4. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đức H; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Đức H; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (theo văn bản uỷ quyền ngày 28-02-2019) – *Vắng mặt.*

- Ông Nguyễn Đức D và bà HoàngThị T; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà HoàngThị T: Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk (theo văn bản uỷ quyền ngày 22-01-2019) – *Có mặt*

- Bà Thị N1 (mẹ Phong), sinh năm 1974 – *Có mặt*
- Bà Thị P (Mẹ H), sinh năm 1969 – *Có mặt*
- Ông Điểu S (Ma Đ), sinh năm 1965 – *Vắng mặt*
- Ông Điểu N'D (Ma R), sinh năm 1941 – *Vắng mặt*
- Ông Điểu B – *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ : Bon N (bon B cũ), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Ông Điểu K (Ma N), sinh năm 1963 – *Vắng mặt*
- Ông Điểu M'Ph (Ma H), sinh năm 1964 – *Có mặt*
- Ông Điểu Nh (Ma Ch), sinh năm 1970 – *Vắng mặt*
- Ông Điểu M'B, sinh năm 1948 – *Vắng mặt*
- Bà Thị Y– *Vắng mặt*
- Chị Thị B– *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ : Bon N (bon B cũ), xã Đăk N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Ông Đoàn Xuân V, sinh năm 1957; địa chỉ : Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – *Có mặt*

5. Người phiên dịch: Chị Thị H; địa chỉ: Công an huyện Đắk Song, tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*

- *Người kháng cáo:* Anh Điểu N - *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2013 anh nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức D thửa đất có diện tích 301 m^2 (10 m x 30 m), giá chuyển nhượng 25.000.000 đồng, đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường liên xã dài 10m; Phía Tây giáp đất anh Điểu N rộng 10m; Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H dài 30m; Phía Bắc giáp đất ông D, bà T dài 30,1m.

Tại thời điểm chuyển nhượng do đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên chỉ viết giấy tay, không công chứng chứng thực. Khi chuyển nhượng, ông D và bà H ra cắm mốc, chỉ ranh giới đất cho anh. Hiện trạng đất khi chuyển nhượng là đất trống, không có cây trồng và ai sử dụng đất. Đến năm 2014, anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 82, diện tích 301 m^2, vị trí đất tại bon N (bon B cũ), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Do gia đình anh ở thành phố Buôn Ma Thuột không có thời gian trông coi nên đến năm 2018 anh mới phát hiện anh Điểu N đến rào và san lấp mặt bằng trên đất của anh. Vì vậy, anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc anh Điểu N phải trả lại diện tích đất 301m^2 có vị trí, tứ cận nêu trên cho anh.

Bị đơn anh Điểu N trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông bà ngoại (ông Điểu Ph và bà Thị P) anh khai hoang năm 1990, sử dụng trồng tỉa lúa. Bà Thị P chết năm 1996, ông Điểu Ph chết năm 2005. Sau khi ông bà ngoại chết, anh Điểu N tiếp tục canh tác thửa đất này. Năm 2007, Ủy ban nhân dân xã có chủ trương quy hoạch khu vực đất này từ mặt đường vào 50m để bố trí giản dân nên anh chấp hành không sử dụng đất này, anh chỉ sử dụng trồng cà phê phần diện tích đất liền kề phía dưới thấp. Đến tháng 9 năm 2018, anh không thấy chính quyền địa phương thực hiện chủ trương nên anh đã làm hàng rào bao quanh diện tích đất này thì xảy ra tranh chấp với anh Nguyễn Văn T. Việc ông Ma Ng (Điểu N) chuyển nhượng thửa đất tranh chấp cho bà Nguyễn Thị H từ năm 1999 anh không biết. Do vậy, anh không chấp nhận trả lại diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thị N (Vợ anh Điểu N) trình bày: Đồng ý với trình bày của anh Điểu N, không có ý kiến gì thêm.

***Người làm chứng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đức H trình bày*:** Vào năm 2005 bà H có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức D và ông Trần Văn B 01 thửa đất diện tích 920m^2, tọa lạc tại thôn 10, xã Đ (nay là bon B, xã Đ) đất chưa được cấp giấy CNQSD đất nên chỉ viết giấy tay với nhau. Giá chuyển nhượng là 15.000.000 đồng, ông D đã giao đủ tiền cho bà H. Khi giao thực địa, chủ đất cũ ông Ma Ng (Điểu N, đã chết), bà H, ông D đi xác định ranh giới, đất không có tài sản gì. Nguồn gốc đất do bà H nhận chuyển nhượng của ông Ma Ng năm 1999 với giá 800.000 đồng và 01 bao gạo, diện tích 3.500 m^2, chiều ngang mặt đường gần 100m, việc mua bán hai bên có lập hợp đồng và có xác nhận của Ban tự quản thôn. Khi bà bán đất cho ông D, ông Ma Ng đi chỉ ranh, có thôn trưởng, thôn phó và một số người làm chứng.

Người làm chứng ông Nguyễn Đức D và bà Hoàng Thị T trình bày: Năm 2005 ông Nguyễn Đức D có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H 01 thửa đất có diện tích 920 m^2, hai bên chỉ viết giấy tay, đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên đã giao đất và giao tiền đầy đủ. Đến năm 2013, ông D có chuyển nhượng lại 301m^2 đất cho anh Nguyễn Văn T, diện tích còn lại của ông là 619m^2. Đến tháng 7-2018, gia đình anh Điểu N tự nhận đất mình và san lấp mặt bằng diện tích đất của ông. Sự việc đã được Toà án g iải quyết buộc anh Điểu N phải trả lại đất ông.

Người làm chứng ông Điểu M'Ph (Ma H), ông Điểu N'D, ông Điểu Nk, ông Điểu Nh, bà Thị Y, bà Thị B trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông ngoại Điểu N là Điểu Ph, bà ngoại Thị P khai hoang năm 1990. Sau khi ông bà ngoại Điểu N chết thì năm 2005 thấy anh Điểu N sử dụng thửa đất đó để trồng mì, bắp. Ông Điểu M'Ph thừa nhận chữ ký và chữ viết "Điểu M'Ph" trong giấy sang nhượng đất làm nhà thổ cư lập giữa ông Ma Ng và bà Nguyễn Thị H ngày 19-10-1999 là chữ ký, chữ viết của ông. Do thời điểm đó ông làm thôn trưởng, bà H có mời ông qua nhà uống ruợu rồi nhờ ông ký xác nhận.

Người làm chứng ông Điểu S, ông Điểu M'B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Ma Ng (đã chết) phát dọn một mình vào khoảng năm 1999, chiều ngang khoảng 100m, chiều dài không biết, hiện trạng đất lúc đó là cây chồi, cỏ bụi chưa ai khai phá và canh tác. Sau đó, ông Ma Ng bán lại cho bà H, bà H phát dọn sạch sẽ để trồng mì. Lời khai của anh Điểu N không đúng, ông bà ngoại của anh Điểu N khai hoang phần đất dưới sình hiện nay anh Điểu N đang sử dụng, không phải là phần đất tranh chấp.

Người làm chứng ông Đoàn Xuân V trình bày: Vào năm 2014, ông có làm chứng việc mua bán đất giữa ông Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Văn T là đúng sự thật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, đã tuyên: *"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T: Buộc anh Điểu N và chị Thị N phải trả cho anh Nguyễn Văn T thửa đất có diện tích là 301m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 341245 thửa đất số 69, tờ bản đồ số 82, tọa lạc tại bon N (bon B cũ), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông có tứ cận: Phía Đông giáp đường liên xã dài 10m, phía Tây giáp đất anh Điểu N dài 10m, phía Nam giáp đất bà H dài 30m, phía Bắc giáp đất ông D, bà T dài 30,1m".*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22-12-2020, bị đơn anh Điểu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 341245 cấp ngày 10-11-2014 cho anh Nguyễn Văn T đối với thửa đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác đơn kháng cáo của anh Điểu N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn ông Điểu N nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được cấp phúc thẩm xem xét.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. *Về nguồn gốc đất tranh chấp:* Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 82, diện tích 301m^2, toạ lạc tại bon N, xã Đ, huyện Đắk Song, có tứ cận: Phía Đông giáp đường liên xã dài 100m; Phía Tây giáp đất anh Điểu N dài 10m; Phía Tây giáp đất bà H dài 30m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức D, bà Hoàng Thị T dài 30,1m thuộc một phần diện tích đất 3.500m^2 (chiều ngang mặt đường gần 100m) của ông Ma Ng (đã chết) khai hoang. Năm 1999 ông Ma Ng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H, khi chuyển nhượng đất chưa được cấp GCNQSDĐ nên hai bên chỉ viết giấy tay, có xác nhận của thôn trưởng là ông Điểu S (Ma Đ) và một số người làm chứng. Năm 2005, bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức D một phần diện tích đất 920m^2, chiều ngang 30m mặt đường. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông D tiến hành kê khai, đăng ký thì đến tháng 02-2014 được Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Song cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 10-2014, ông Nguyễn Đức D chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn T diện tích đất 301m^2. Sau khi chuyển nhượng hai bên đã hoàn tất thủ tục tách thửa, anh Nguyễn Văn T đã được Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Song cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 341245 ngày 10-11-2014, thửa số 69, tờ bản đồ số 82, diện tích 301m^2 là thực tế và đúng quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật đất đai; Điều 79 của Nghị định số : 43/2013/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ. Do vậy, việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là có căn cứ và cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của anh Điểu N cho rằng thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ, bởi lẽ:

[3.1]. Diện tích đất tranh chấp bị đơn cho rằng có nguồn gốc của ông bà ngoại bị đơn là ông Điểu Ph và bà Thị P khai hoang năm 1990 đến năm 2007 ông, bà ngoại đều chết, bị đơn tiếp tục quản lý sử dụng, bản thân bị đơn cũng thừa nhận từ thời điểm khai hoang đến nay diện tích đất này là đất trống, không ai trồng cây lâu năm hoặc xây dựng công trình trên đất; Qúa trình Tòa án giải quyết nguyên đơn và người làm chứng là bà H, ông D đều đưa ra được chứng cứ chứng minh đất tranh chấp là do bà H nhận chuyển nhượng của ông ông Ma Ng (Điểu N) năm 1999 có xác nhận của Ban tự quản thôn và người làm chứng, năm 2005 bà Huệ chuyển nhượng cho ông D và năm 2013 ông D chuyển nhượng cho nguyên đơn. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, bị đơn còn thừa nhận từ năm 2007 đến năm 2018 bị đơn chấp hành chủ trương của chính quyền địa phương nên không sử dụng diện tích đất này. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn có đơn yêu cầu Toà án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên "ngoan" trên giấy sang nhượng đất làm nhà đề ngày 18-10-1999 giữa ông Ma Ng với bà Nguyễn Thị H để xác định có phải do ông Ma Ng ký, viết ra hay không. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 86/GĐTL-PC09 ngày 08-6-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông; Kết luận giám định số 3362/C09B ngày 13-7-2021 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an đã thể hiện không đủ cơ sở để kết luận.

Theo quyết định số 1117/QĐ-CTUBND ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc thu hồi đất của Lâm trường Đăk Rung giao cho Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Song quản lý, bố trí sử dụng và căn cứ theo biên bản xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Đăk Rung có cơ sở xác định diện tích đất các bên đang tranh chấp tại thời điểm trước năm 2006 là đất của Lâm trường Đăk Rung quản lý. Do vậy, các đương sự khai nhận đất có nguồn gốc do khai hoang trước năm 2006 đều là khai hoang bất hợp pháp trên đất thuộc quyền quản lý của Lâm trường Đăk Rung. Căn cứ nội dung quyết định số 1117/QĐ-CTUBND ngày 07 tháng 9 năm 2006. Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Song đã tiến hành đo đạc, xác lập bản đồ địa chính năm 2006 và năm 2014 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đang quản lý sử dụng, trong đó có nguyên đơn là phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và pháp luật đất đai. Vì vậy, xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 341245 của Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Song cấp cho nguyên đơn (anh Nguyễn Văn T) ngày 10-11-2014 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng đất tranh chấp thuộc Bon Đ khác với vị trí đất ông Ma Ng sang nhượng cho bà Nguyễn Thị H theo giấy chuyển nhượng đất năm 1999 là Bon Đ1. Kết quả xác minh thể hiện địa danh Bon Đ1 và Bon Đ chỉ cách nhau bởi trục đường liên xã và có cùng vị trí nên việc các bên ghi trong giấy tờ sang nhượng đất ngày 18-10-1999 "ở khu vực Đ1" là tên địa danh chung mà không phải xác định vị trí đất chuyển nhượng. Mặc khác ngoài diện tích đất này ra bà H không có diện tích đất nào khác ở Bon Đ1.

[4]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Điểu N, Thị N phải trả lại diện tích đất tranh chấp là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

[5]. Về chi phí giám định: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Điểu N phải chịu 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền chi phí giám định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Điểu Nguyên phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Điểu N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1.2. Buộc anh Điểu N và chị Thị N phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Toán diện tích đất 301m^2, thửa đất số 69, tờ bản đồ số 82 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 341245 do Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Song cấp ngày 10-11-2014 cho anh Nguyễn Văn T , tọa lạc tại bon N (bon B cũ), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, có tứ cận: Phía Đông giáp đường liên xã dài 10m; phía Tây giáp đất anh Điểu N dài 10m; phía Nam giáp đất bà H dài 30m; phía Bắc giáp đất ông D, bà T dài 30,1m.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1.*Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ :* Anh Điểu N phải chịu 4.106.000đ *(Bốn triệu một trăm linh sáu nghìn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do anh Nguyễn Văn T đã nộp toàn bộ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ nên anh Điểu N phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.106.000đ *(Bốn triệu một trăm linh sáu nghìn đồng).*

2.2. Về chi phí giám định: Bị đơn anh Điểu N phải chịu 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* chi phí giám định được khấu trừ vào số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* tạm ứng chi phí giám định đã nộp. Hoàn trả cho anh Điểu N số tiền 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng).*

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn anh Điểu N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004858 ngày 06-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song , tỉnh Đăk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Điểu N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005111 ngày 08-01-2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Ửng